

## B. CÁC DANH MỤC

### 1. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến triển khai dự án CNTT sử dụng ngân sách nhà nước

STT	Tên văn bản	Nội dung
1	Nghị định số 102/2009/NĐCP ngày 06/12/2009	Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
2	Thông tư số 28/2010/TTBTTTT ngày 13/12/2010	Quy định nội dung giám sát thi công dự án ứng dụng CNTT.
3	Thông tư số 23/2013/TTBTTTT ngày 23/12/2013	Công bố danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước (thay thế QĐ 20/2008/QĐ-BTTTT).
4	Thông tư số 23/2010/TT-BTTTT ngày 15/10/2010	Quy định về cung cấp thông tin trên Trang Thông tin điện tử về năng lực quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
5	Thông tư số 06/2011/TTBTTTT ngày 28/02/2011	Lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT.
6	Quyết định số 993/QĐ-BTTTT	Công bố Định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
7	Công Văn số 2589/BTTTT-UĐCNTT ngày 14/8/2011	Hướng dẫn xác định giá trị phần mềm.
8	Công văn 3787/BTTTTTHH ngày 27/12/2014	Hướng dẫn xác định chi phí kiểm thử phần mềm.
9	Luật Công nghệ thông tin ngày 29/06/2006	Luật Công nghệ thông tin.
10	Nghị định số 64/2007/NĐCP ngày 10/04/2007	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của Cơ quan Nhà nước.
11	Quyết định số 1605/QĐTTg ngày 27/08/2010	Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015.
12	Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009	Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 – 2010.

13	Quyết định số 43/2008/QĐTTg ngày 24/3/2008	Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008.
14	Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010	Phê duyệt đề án “đưa Việt nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT”.
15	Quyết định số 246/2005/QĐ-TTG ngày 06/10/2005	Chiến lược phát triển CNTT và TT Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.
16	Chỉ thị số 07/CT-BBCVT ngày 07/7/2007	Về định hướng Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (gọi tắt là “Chiến lược Cát cánh”).
17	Quyết định số 19/2008/QĐ-BTTTT ngày 09/04/2008	Ban hành “Quy định áp dụng tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước”.
18	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013	Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.
19	Công văn 3386/BTTTT-UĐCNTT ngày 27/5/2008	Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật cho các dự án dùng chung theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg.
20	Công văn số 1654/BTTTTUĐCNTT ngày 27/5/2008	Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật cho các dự án dùng chung theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg.
21	Công văn số 1036/BTTTTTHH ngày 10/4/2015	Hướng dẫn yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật cho hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
22	Công văn số 1655/BTTTT-UĐCNTT ngày 27/5/2008	Hướng dẫn Các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg.
23	Công văn số 1725/BTTTT-UĐCNTT ngày 04/6/2010	Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật cho hệ thống một cửa điện tử.
24	Thông tư số 23/2010/TTBTTTT ngày 15/10/2010	Quy định về cung cấp thông tin trên Trang Thông tin điện tử về năng lực quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
25	Thông tư số 28/2010/TT-BTTTT ngày 13/12/2010	Quy định nội dung giám sát thi công dự án ứng dụng CNTT.
26	Thông tư số 03/2013/TTBTTTT ngày 22/01/2013	Quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.

27	Công văn số 1276/BTTTT- UDCNTT ngày 06/5/2013	Văn bản Hướng dẫn về các yêu cầu phi chức năng chung cho các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
28	Công văn số 512/BTTTT- UDCNTT ngày 20/2/2013	Hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước.
29	Công văn số 45/BTTTT- UDCNTT ngày 04/01/2013	Hướng dẫn áp dụng bộ tiêu chí đánh giá hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành.
30	Công văn số 3601/BTTTT- UDCNTT ngày 25/12/2012	Hướng dẫn về việc xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nghị định 43/2011/NĐ-CP.
31	Công văn số 2352/BTTTT- UDCNTT ngày 05/9/2012	Hướng dẫn lập hồ sơ mô tả các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ, phục vụ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án ứng dụng CNTT.
32	Công văn số 310/BTTTT- UDCNTT ngày 10/2/2012	Hướng dẫn áp dụng bộ tiêu chí đánh giá cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
33	Công văn số 282/BTTTT- UDCNTT ngày 07/02/2012	Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật cho hệ thống quản lý thông tin tổng thể.
34	Công văn số 269/BTTTT- UDCNTT ngày 06/02/2012	Giải thích việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật chính sử dụng cho hệ thống cổng thông tin điện tử và hệ thống thư điện tử.
35	Công văn số 270 /BTTTT- UDCNTT ngày 06/02/2012	Hướng dẫn Mô hình thành phần chính quyền điện tử cấp tỉnh.
36	Công văn số 125/BTTTT- UDCNTT ngày 13/01/2012	Hướng dẫn áp dụng bộ tiêu chí đánh giá hệ thống một cửa điện tử.
37	Thông tư số 30/2011/TT- BTTTT ngày 31/10/2011	Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.
38	Thông tư số 31/2011/TT- BTTTT ngày 31/10/2011	Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc công bố hợp quy.
39	Thông tư số 32/2011/TT- BTTTT ngày 31/10/2011	Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy.
40	Thông tư số 24/2011/TT- BTTTT ngày 20/09/2011	Quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
41	Thông tư 06/2011/TT- BTTTT ngày 28/02/2011	Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT.

42	Thông tư 21/2010/TTBTTT	Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án.
43	Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010	Quy định về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.
44	Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2010	Quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng
		hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước.
45	Nghị định số 123/2008/NĐCP ngày 08/12/2008	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng.
46	Thông tư số 176/2011/TTBTC ngày 06/12/2011	Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.
47	Thông tư số 19/2011/TTBTC ngày 14/02/2011	Hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN.
48	Thông tư số 194/2012/TTBTC ngày 15/11/2012	Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
49	Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTCBKHCHCN ngày 7 tháng 5 năm 2007	Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
50	Thông tư 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011	Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.
51	Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BKH&ĐT-BTC-BTTTT ngày 15/2/2012	Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
52	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010	Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc Hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
53	Công văn 257/BTTTT-KHTC; Công văn 258/BTTTT-KHTC ngày 09/02/2009	Công bố định mức xây dựng cơ bản công trình bưu chính viễn thông.

54	Quyết định 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011	Công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng CNTT.
55	Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011	Định mức kinh tế kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu trong hạng mục công nghệ thông tin;
56	Công văn số 1951/BTTTT-UDCNTT ngày 04/7/2013	Hướng dẫn lập dự toán chi phí khảo sát dự án ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước.
57	Nghị định 205/2004/NĐCP ngày 14/12/2004	Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong công ty nhà nước.
58	Luật đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013	Luật đấu thầu.
59	Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014	Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
60	Thông tư 11/2010/TT-BKH	Quy định chi tiết về chào hàng cạnh tranh.
61	Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010	Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
62	Nghị định số 37/2015/NĐCP ngày 22/4/2015	Hợp đồng xây dựng có hiệu lực từ ngày 15/6/2015.
63	Công văn 16819/BTC-ĐT ngày 09/12/2010	Tạm ứng hợp đồng theo Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 của Chính phủ.
64	Công văn 440/LĐTBXHKHTC ngày 18/02/2011	Hướng dẫn áp dụng loại giá hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 của Chính phủ.
65	Chỉ thị số 494/CT-TTG ngày 20/04/2010	Sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.
66	Thông tư 01/2015/TT-BKHDT ngày 14/02/2015	Quy định chi tiết về lập HSMQT, HSMT, HSYC dịch vụ tư vấn.
67	Thông tư 05/2010/TT-BKH ngày 10/02/2010	Quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.
68	Thông tư số 01/2010/TTBTC ngày 06/01/2010	Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.
69	Thông tư số 06/2013/TT-BTTTT ngày 07/03/2013	Quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

## 2. Danh mục các thuật ngữ công nghệ thông tin

STT	Tên thuật ngữ	Diễn giải
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin	Là tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và cơ sở dữ liệu nhằm đạt được sự cải thiện về tốc độ, hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ trong ít nhất một chu kỳ phát triển của công nghệ thông tin.
2	Phần mềm thương mại	Gồm phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm tiện ích, phần mềm công cụ, phần mềm nhúng; được phát triển hoàn chỉnh, được đăng ký thương hiệu và nhân bản hàng loạt để cung cấp ra thị trường.
3	Phần mềm nội bộ	Là phần mềm được phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa theo các yêu cầu riêng của tổ chức, hoặc người sử dụng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của tổ chức và được sử dụng trong nội bộ tổ chức đó.
4	Phần mềm mã nguồn mở	Là phần mềm được tác giả cung cấp với mã nguồn kèm theo, người sử dụng không phải trả chi phí bản quyền mua mã nguồn.
5	Phát triển phần mềm	Là việc gia công, sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng nội bộ hoặc nhằm mục đích kinh doanh thương mại trên thị trường.
6	Chỉnh sửa phần mềm	Là việc sửa đổi, làm tăng hiệu năng của phần mềm đã có nhằm tối ưu hóa khả năng xử lý các yêu cầu của người sử dụng.
7	Nâng cấp phần mềm	Là việc chỉnh sửa phần mềm với việc tăng cường chức năng - khả năng xử lý của phần mềm đã có nhằm đáp ứng thêm một số yêu cầu của người sử dụng.
8	Sự cố	Là những sai hỏng, trục trặc (phần cứng và/hoặc phần mềm) khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, trục trặc trong vận hành, hay hoạt động bất bình thường.
9	Người có thẩm quyền quyết định đầu tư	Là người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cơ quan nhà nước hoặc tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập.
10	Chủ đầu tư	Là người được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
11	Tổng mức đầu tư	Là toàn bộ chi phí dự tính để đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư và là cơ sở để Chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư.

12	Tổng dự toán	Là tổng chi phí cần thiết cho việc đầu tư (chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí thực hiện đầu tư, chi phí kết thúc đầu tư, và các chi phí khác của dự án ứng dụng công nghệ thông tin) không vượt tổng mức đầu tư được duyệt.
13	Thiết kế sơ bộ	Bao gồm phần thuyết minh và các sơ đồ bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật, và các nội dung khác bảo đảm thể hiện được phương án thiết kế. Thiết kế sơ bộ có thể gồm một hoặc nhiều hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin. Thiết kế sơ bộ trong dự án được duyệt là căn cứ để lập và xét duyệt thiết kế thi công.
14	Thiết kế thi công	Là các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh, bản vẽ, các mô tả nội dung thiết kế, yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng khác; được triển khai trên cơ sở thiết kế sơ bộ cùng nội dung dự án được duyệt.
15	Giám sát tác giả	Là công việc kiểm tra, giải thích hoặc xử lý những vướng mắc, thay đổi, phát sinh nhằm đảm bảo việc thi công lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thương mại, hoặc phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu theo đúng thiết kế thi công và bảo vệ quyền tác giả của cá nhân, tổ chức tư vấn lập thiết kế thi công.
16	Giám sát thi công	Là hoạt động theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống của cá nhân, tổ chức giám sát thi công nhằm quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ các công tác lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm thương mại, hoặc phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu do nhà thầu thi công thực hiện theo: hợp đồng, thiết kế thi công được duyệt, hệ thống danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin và các yêu cầu đối với giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin được áp dụng. Nội dung công tác giám sát thi công thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
17	Bản vẽ hoàn công	Là bản vẽ phản ánh kết quả thực hiện thi công xây lắp, lắp đặt hạ tầng kỹ thuật do nhà thầu trúng thầu lập trên cơ sở thiết kế thi công được duyệt và kết quả đo kiểm các sản phẩm đã thực hiện tại hiện trường thi công được Chủ đầu tư xác nhận.
18	Chủ trì khảo sát	Là người trực tiếp tổ chức và thực hiện nhiệm vụ khảo sát, phương án khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát, chịu trách nhiệm cao nhất về kết quả thực hiện nhiệm vụ khảo sát, phương án khảo sát.
19	Chủ trì thiết kế sơ bộ	Là người trực tiếp tổ chức và thực hiện nhiệm vụ thiết kế sơ bộ, chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung và chất lượng của thiết kế sơ bộ.

20	Chủ trì thiết kế thi công	Là người trực tiếp tổ chức và thực hiện nhiệm vụ thiết kế thi công và lập dự toán, tổng dự toán, chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung và chất lượng của thiết kế thi công và dự toán, tổng dự toán.
21	Chỉ huy thi công tại hiện trường	Là người đại diện cho nhà thầu trúng thầu thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tại hiện trường thi công, trực tiếp chỉ huy và chịu trách nhiệm về hoạt động thi công xây lắp, lắp đặt hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin
22	Dự án phần mềm ứng dụng	Là dự án đầu tư phát triển mới, mở rộng hoặc nâng cấp phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.
23	Dự án hạ tầng kỹ thuật	Là dự án đầu tư lắp đặt mới, mở rộng hoặc nâng cấp hạ tầng kỹ thuật nhằm đảm bảo, phục vụ cho các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu hoạt động.
24	Dự án hỗn hợp	Là dự án đầu tư bao gồm hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng phần mềm, cơ sở dữ liệu.
25	Cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án ứng dụng công nghệ thông tin	Là tập hợp thông tin, dữ liệu về sản phẩm của các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu.



### 3. Danh mục các căn cứ pháp lý triển khai kiểm toán trong môi trường CNTT dựa trên hệ thống chuẩn mực Kiểm toán nhà nước

TT	TÊN CHUẨN MỰC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
1	CMKTNN40 – Kiểm soát chất lượng kiểm toán	<p><input type="checkbox"/> <i>Điều kiện đảm bảo tiến hành cuộc kiểm toán</i></p> <p>Việc duy trì, cập nhật hệ thống thông tin về đơn vị được kiểm toán và đánh giá rủi ro để lựa chọn đơn vị được kiểm toán phải được thực hiện.</p>	CMKTNN40 (đoạn 40-43)	Kiểm toán nhà nước cần xây dựng CSDL đầu mối kiểm toán trong đó cập nhật định kỳ hệ thống thông tin của đơn vị.
2	CMKTNN 40 – Kiểm soát chất lượng kiểm toán	<p><input type="checkbox"/> <i>Nguồn nhân lực:</i></p> <p>Khi phân công nhân sự thực hiện cuộc kiểm toán, quản lý và kiểm soát chất lượng kiểm toán, cần xem xét các vấn đề liên quan đến nhân sự Đoàn kiểm toán bao gồm:</p> <p>...</p> <p>(iii) Kiến thức chuyên môn, bao gồm cả kiến thức về công nghệ thông tin;</p>	CMKTNN 40 (đoạn 55, dòng iii)	Kiểm toán nhà nước cần bố trí nhân sự có trình độ CNTT thích hợp trong các Đoàn Kiểm toán trong môi trường CNTT.

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
3	CMKTNN 200 – Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán tài chính	<p><input type="checkbox"/> <i>Điều kiện tiên quyết để thực hiện kiểm toán tài chính:</i></p> <p>Năng lực và kỹ năng cần thiết: Các năng lực và kỹ năng cần thiết để thực hiện cuộc kiểm toán bao gồm:</p> <p>(iii) Năng lực chuyên môn về kỹ thuật, gồm các kỹ năng về công nghệ thông tin có liên quan, hiểu biết về các lĩnh vực chuyên môn kế toán, kiểm toán;</p>		Ngoài đạo đức nghề nghiệp, kiểm toán viên cần có năng lực và kỹ năng cần thiết để thực hiện cuộc kiểm toán (chuyên môn kế toán, kiểm toán, chuẩn mực nghề nghiệp,...) trong đó có năng lực chuyên môn về kỹ thuật, gồm các kỹ năng về CNTT liên quan.
4	CMKTNN 1220 – Kiểm soát chất lượng đối với cuộc kiểm toán tài chính	<p><input type="checkbox"/> <i>Nguồn nhân lực kiểm toán tài chính:</i></p> <p>23. Khi xem xét năng lực chuyên môn và khả năng của Đoàn kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán cần xem xét các vấn đề sau:</p> <p>(iii) Kinh nghiệm chuyên sâu của các thành viên Đoàn kiểm toán, gồm hiểu biết về công nghệ thông tin và lĩnh vực riêng biệt liên quan đến kế toán, kiểm toán, thuế, đầu tư xây dựng cơ bản hoặc</p>	CMKTNN 1220 (đoạn 23, dòng iii)	Khi xem xét năng lực chuyên môn và khả năng của Đoàn kiểm toán, Trưởng đoàn kiểm toán cần xem xét sự am hiểu, kinh nghiệm chuyên sâu của các thành viên Đoàn kiểm toán, bao gồm hiểu biết về công nghệ thông tin và lĩnh vực riêng biệt liên quan đến kế toán, kiểm toán, thuế, đầu tư xây dựng cơ bản hoặc lĩnh vực đặc thù như ngân sách nhà nước, quốc phòng, an ninh...

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		lĩnh vực đặc thù như ngân sách nhà nước, quốc phòng, an ninh...		
5	CMKTNN 1240 – Trách nhiệm của Kiểm toán viên nhà nước liên quan đến gian lận trong cuộc kiểm toán tài chính	<p><b>Tình huống 3 - Mối quan hệ bất thường hoặc có vấn đề giữa kiểm toán viên nhà nước và đơn vị được kiểm toán:</b></p> <p>Từ chối cho kiểm toán viên nhà nước tiếp cận các nhân viên công nghệ thông tin hoặc thiết bị công nghệ thông tin chủ chốt, bao gồm nhân viên an ninh, vận hành và phát triển hệ thống.</p>	<p>CMKTNN 1240</p> <p>(Phụ lục 03 – Ví dụ về những tình huống cho thấy khả năng có gian lận)</p>	Những tình huống bất thường có thể xảy ra giữa kiểm toán viên nhà nước và đơn vị được kiểm toán trong đó có tình huống: từ chối cho kiểm toán viên nhà nước tiếp cận các nhân viên công nghệ thông tin hoặc thiết bị công nghệ thông tin chủ chốt, bao gồm nhân viên an ninh, vận hành và phát triển hệ thống.
6	CMKTNN 1250 – Đánh giá tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán tài chính	<p><b>Trách nhiệm của kiểm toán viên nhà nước:</b></p> <p>10. Kiểm toán viên nhà nước cần lưu ý các ảnh hưởng của những hạn chế vốn có của cuộc kiểm toán đến khả năng phát hiện sai sót trọng yếu sẽ lớn hơn do một số nguyên nhân như sau:</p> <p>(i) Có nhiều luật và các quy định chủ yếu liên quan đến hoạt động của đơn vị nhưng không ảnh hưởng đến báo cáo tài</p>	<p>CMKTNN 1250</p> <p>(đoạn 10, dòng i)</p>	<p>Kiểm toán viên nhà nước cần lưu ý các ảnh hưởng của những hạn chế vốn có của cuộc kiểm toán đến khả năng phát hiện sai sót trọng yếu sẽ lớn hơn do một số nguyên nhân như sau:</p> <p>(i) Có nhiều luật và các quy định chủ yếu liên quan đến hoạt động của đơn vị nhưng không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính và không được lưu trữ</p>

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		chính và không được lưu trữ trong hệ thống thông tin của đơn vị liên quan đến báo cáo tài chính;		trong hệ thống thông tin của đơn vị liên quan đến báo cáo tài chính;
7	CMKTNN 1250 – Đánh giá tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán tài chính	<p><i>❑ Các thủ tục kiểm toán khi phát hiện/ngghi ngờ có hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định:</i></p> <p>Nếu kiểm toán viên nhà nước nhận thấy sự tồn tại hay có thông tin về các vấn đề sau, thì đó có thể là dấu hiệu của hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định, trong đó có nội dung:</p> <p>(ix) Hệ thống thông tin không có khả năng theo dõi và lưu lại các hoạt động truy cập, thay đổi trong hệ thống hoặc không cung cấp được các bằng chứng đầy đủ, dù là do thiết kế hay do sai sót;</p>	CMKTNN 1250 (đoạn 19, dòng ix)	Nếu phát hiện hệ thống CNTT của đơn vị không cài đặt hệ thống kiểm soát CNTT thích hợp lưu vết mọi sự thay đổi, kiểm toán viên nhà nước có thể xem đó là dấu hiệu vi phạm pháp luật của đơn vị.
8	CMKTNN 1300 – Lập kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Khảo sát, thu thập thông tin:</i></p> <p>15. Khi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin có liên quan về đơn vị được kiểm toán và cuộc kiểm toán, các thông tin cần tìm hiểu thường là:</p> <p>(ii) Kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán gồm:</p>	CMKTNN 1300 (đoạn 15, dòng ii)	Khi tổ chức khảo sát, thu thập thông tin có liên quan về đơn vị được kiểm toán và cuộc kiểm toán, các thông tin cần tìm hiểu trong đó kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán: môi trường kiểm soát, quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị, hệ thống thông tin

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Môi trường kiểm soát;</li> <li>▪ Quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị; Hệ thống thông tin liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính bao gồm cả các quy trình hoạt động có liên quan và trao đổi thông tin;</li> <li>▪ Các hoạt động kiểm soát liên quan đến cuộc kiểm toán;</li> <li>▪ Giám sát các kiểm soát.</li> </ul>		liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính bao gồm cả các quy trình hoạt động có liên quan và trao đổi thông tin...
9	CMKTTN 1315 – Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ <i>Những hiểu biết cần có về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị:</i></li> <li>- Đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị:</li> <li>17. Kiểm toán viên nhà nước phải tìm hiểu các thông tin sau:</li> <li>(iv) Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện và cách thức đo lường, đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị:</li> <li>Mục tiêu và nhiệm vụ về phát triển, mở rộng ngành nghề, quy mô hoạt động hoặc sử dụng công nghệ thông tin, tuân</li> </ul>	CMKTTN 1315 (đoạn 17, dòng iv)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		thủ các yêu cầu mới về tài chính, kế toán có thể dẫn đến rủi ro hoạt động và rủi ro có sai sót trọng yếu đối với các nhóm giao dịch phát sinh, số dư tài khoản và thuyết minh ở cấp độ cơ sở dẫn liệu hoặc cấp độ báo cáo tài chính;		
10	CMKTNN 1315 – Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Những hiểu biết cần có về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị:</i></p> <p>Kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán:</p> <p>22. Thông thường, kiểm soát nội bộ được chia thành năm bộ phận nhằm cung cấp một khuôn khổ giúp kiểm toán viên nhà nước xem xét các khía cạnh khác nhau trong kiểm soát nội bộ của đơn vị, gồm:</p> <p>(i) Môi trường kiểm soát;</p> <p>(ii) Quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị;</p> <p><u>Hệ thống thông tin liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính bao gồm các quy trình hoạt động có liên quan và trao</u></p>	CMKTNN 1315 (đoạn 22, dòng iii)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<u>đổi thông tin</u> ; (iv) Các hoạt động kiểm soát; (v) Giám sát các kiểm soát.		
11	CMKTNN 1315 - Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Các kiểm soát liên quan đến cuộc kiểm toán</i></p> <p>Thủ tục đánh giá rủi ro để thu thập thêm các bằng chứng kiểm toán về thiết kế và thực hiện các kiểm soát liên quan có thể bao gồm:</p> <p>Phỏng vấn các nhân viên của đơn vị;</p> <p>(ii) Quan sát việc áp dụng các kiểm soát cụ thể;</p> <p>(iii) Kiểm tra các báo cáo và tài liệu; <u>Kiểm tra các giao dịch trên hệ thống thông tin liên quan đến báo cáo tài chính</u>;</p> <p>(iv) Để đạt được mục tiêu thu nhập bằng chứng kiểm toán, nếu kiểm toán viên nhà nước sử dụng thủ tục phỏng</p>	CMKTNN 1315 (Phụ lục 01 – Hướng dẫn chi tiết nội dung một số đoạn của CMKTNN1315, đoạn A7, dòng iv)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		vấn thì cần phải sử dụng kết hợp với các thủ tục khác.		
12	CMKTNN 1315 - Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Đặc điểm của các yếu tố thủ công và yếu tố tự động trong kiểm soát nội bộ ảnh hưởng đến việc đánh giá rủi ro của kiểm toán viên nhà nước:</i></p> <p>A8. Việc sử dụng các yếu tố thủ công hay tự động trong kiểm soát nội bộ cũng ảnh hưởng đến cách thức tạo lập, ghi chép, xử lý và báo cáo các giao dịch:</p> <p>(ii) Các kiểm soát trong hệ thống công nghệ thông tin là sự kết hợp cả kiểm soát tự động (Ví dụ các kiểm soát được</p>	CMKTNN 1315  ( Phụ lục 01 – Hướng dẫn chi tiết nội dung một số đoạn của 1315, đoạn A8, dòng ii)	



TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<p>thiết kế trong các chương trình máy tính) và kiểm soát thủ công. Các kiểm soát thủ công độc lập với công nghệ thông tin, sử dụng các thông tin do công nghệ thông tin tạo ra, hoặc có thể giới hạn trong việc giám sát tính hữu hiệu của công nghệ thông tin và của các kiểm soát tự động để giải quyết các tình huống ngoại lệ. Khi sử dụng công nghệ thông tin để tạo lập, ghi chép, xử lý và báo cáo các giao dịch hay các dữ liệu tài chính khác để đưa vào báo cáo tài chính, các hệ thống và chương trình phần mềm gồm các kiểm soát liên quan tới các cơ sở dữ liệu tương ứng đối với các tài khoản trọng yếu, hoặc mang tính quyết định đối với hoạt động hữu hiệu của các kiểm soát thủ công có sự phụ thuộc vào công nghệ thông tin.</p>		

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
13	CMKTNN 1315 - Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Đặc điểm của các yếu tố thủ công và yếu tố tự động trong kiểm soát nội bộ ảnh hưởng đến việc đánh giá rủi ro của kiểm toán viên nhà nước:</i></p> <p>A9. Công nghệ thông tin có thể mang đến những rủi ro cụ thể cho kiểm soát nội bộ của đơn vị, như:</p> <p>(i) Tin tưởng vào hệ thống hoặc chương trình trong khi hệ thống hoặc chương trình đó lại xử lý không chính xác dữ liệu hoặc sử dụng dữ liệu không chính xác để xử lý, hoặc cả hai tình huống.</p> <p>(ii) Việc truy cập dữ liệu trái phép dẫn đến dữ liệu bị xóa hoặc bị thay đổi không phù hợp (như hạch toán các nghiệp vụ không đúng thẩm quyền và không có thật). Các rủi ro này gia tăng khi có nhiều người sử dụng truy cập vào một cơ sở dữ liệu chung.</p>	<p>CMKTNN1315</p> <p>( Phụ lục 01 – Hướng dẫn chi tiết nội dung một số đoạn của CMKTNN1315, đoạn A9, dòng iii)</p>	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<p>(iii) <u>Khả năng nhân viên phụ trách hệ thống công nghệ thông tin có được đặc quyền truy cập nhiều hơn mức cần thiết so với nhiệm vụ được giao, do đó phá vỡ sự phân nhiệm;</u></p> <p>(iv) Những thay đổi trái phép dữ liệu gốc, hệ thống hoặc chương trình;</p> <p>(v) Can thiệp thủ công không thích hợp;</p> <p>Khả năng mất dữ liệu hoặc không thể truy cập vào dữ liệu khi cần thiết.</p>		
14	CMKTNN 1315 - Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Đặc điểm của các yếu tố thủ công và yếu tố tự động trong kiểm soát nội bộ ảnh hưởng đến việc đánh giá rủi ro của kiểm toán viên nhà nước:</i></p> <p>A12. Phạm vi và đặc điểm của các rủi ro đối với kiểm soát nội bộ thường thay đổi tùy theo bản chất và đặc điểm của hệ thống thông tin của đơn vị. Đơn vị xử lý những rủi ro từ việc sử dụng công nghệ thông tin hoặc sử dụng các yếu tố thủ công trong kiểm soát nội bộ bằng</p>	CMKTNN 1315 ( Phụ lục 01 – Hướng dẫn chi tiết nội dung một số đoạn của CMKTNN1315, đoạn A12)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		cách thiết lập các kiểm soát hữu hiệu dựa trên đặc điểm hệ thống thông tin của đơn vị.		
15	CMKTNN 1330 – Biện pháp xử lý rủi ro kiểm toán trong kiểm toán tài chính	<p>■ <i>Nội dung của thủ tục kiểm toán:</i></p> <p>15. Khi xác định nội dung thủ tục kiểm toán, kiểm toán viên nhà nước cần xem xét lý do đánh giá rủi ro. Nếu một rủi ro được đánh giá là thấp chỉ do đặc trưng riêng của nhóm giao dịch mà không xem xét đến các kiểm soát liên quan thì kiểm toán viên nhà nước xác định rằng chỉ cần thực hiện các thủ tục phân tích cơ bản để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Ngược lại, nếu rủi ro được đánh giá là thấp do kiểm soát nội bộ hiệu quả và kiểm toán viên nhà nước dự định sẽ thiết kế các thử nghiệm cơ bản căn cứ vào hiệu quả kiểm soát, thì kiểm toán viên nhà nước sẽ thực hiện các thử nghiệm kiểm soát theo quy định tại đoạn 22 (i) Chuẩn mực này. Trường hợp này thường được áp dụng khi xem</p>	CMKTNN 1330 (đoạn 15)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		xét các nhóm giao dịch tương đối đồng nhất, không phức tạp, được xử lý thường xuyên và được đơn vị kiểm soát thông qua hệ thống công nghệ thông tin.		
16	CMKTNN 1330 – Biện pháp xử lý rủi ro kiểm toán trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Phạm vi của thủ tục kiểm toán:</i></p> <p>20. Trường hợp kiểm toán trong môi trường công nghệ thông tin, việc sử dụng các kỹ thuật kiểm toán với sự hỗ trợ của phần mềm máy tính sẽ giúp kiểm toán viên nhà nước kiểm tra được nhiều giao dịch điện tử và dữ liệu thông tin tài chính của đơn vị được kiểm toán hơn. Kỹ thuật này được sử dụng để chọn mẫu từ các tệp tin điện tử chính hoặc kiểm tra tổng thể thay vì kiểm tra mẫu.</p>	CMKTNN 1330 (đoạn 20)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
17	CMKTTN 1330 – Biện pháp xử lý rủi ro kiểm toán trong kiểm toán tài chính	<p><i>Nội dung, phạm vi và lịch trình thực hiện thử nghiệm kiểm soát</i></p> <p>32. Trong trường hợp đơn vị được kiểm toán sử dụng công nghệ thông tin để kiểm soát, thì kiểm toán viên nhà nước sẽ thực hiện các thử nghiệm sau: Các thay đổi của chương trình chỉ được thực hiện khi có sự kiểm soát thích hợp đối với các thay đổi đó;</p> <p>(i) Phiên bản chính thức của chương trình được sử dụng để xử lý giao dịch;</p> <p>(ii) Các kiểm soát chung khác có liên quan được thực hiện hiệu quả. 34. Khi thực hiện các thử nghiệm kiểm soát, kiểm toán viên nhà nước cũng cần phải xác định tính thích hợp của các bằng chứng kiểm toán về tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát đã có từ các cuộc kiểm toán trước và xác định thời gian tiến hành lại thử nghiệm kiểm soát thông qua việc xem xét những vấn đề sau:</p> <p>(iii) <u>Tính hữu hiệu của môi trường kiểm soát, việc giám sát các kiểm soát</u></p>	CMKTTN 1330 (đoạn 32; đoạn 34 dòng i; đoạn 36 dòng i)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<p><u>và quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị; tính hữu hiệu của các kiểm soát chung về công nghệ thông tin; tính hữu hiệu của kiểm soát và việc thực hiện kiểm soát đó của đơn vị;</u></p> <p>(iv) Các rủi ro phát sinh từ các đặc tính của kiểm soát; liệu việc không thay đổi một kiểm soát cụ thể có gây rủi ro khi hoàn cảnh đã thay đổi hay không;</p> <p>(v) Rủi ro có sai sót trọng yếu và mức độ tin cậy vào các kiểm soát.</p>		
		<p>36. Trong trường hợp rủi ro có sai sót trọng yếu càng cao và kiểm toán viên nhà nước dự định tin cậy vào các kiểm soát của đơn vị thì thời gian giữa các lần kiểm tra (nếu có) càng ngắn. Các yếu tố có thể rút ngắn thời gian kiểm tra lại một kiểm soát, hoặc làm cho kiểm toán viên nhà nước quyết định không tin cậy vào bằng chứng kiểm toán thu thập được từ các cuộc kiểm toán trước, bao gồm: (i) <u>Sự yếu kém của môi trường kiểm soát, công tác giám sát các</u></p>		

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<p><u>kiểm soát và các kiểm soát chung về công nghệ thông tin của đơn vị;</u></p> <p>(ii) Các kiểm soát liên quan có một yếu tố quan trọng được thực hiện thủ công;</p> <p>(iii) Thay đổi nhân sự có ảnh hưởng đáng kể đến việc ứng dụng một kiểm soát;</p> <p>Tình hình thay đổi dẫn đến sự cần thiết phải thay đổi về kiểm soát.</p>		
18	CMKTTN 1402 – Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <b>Mục đích và phạm vi áp dụng</b></p> <p>3. Nhiều đơn vị thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện một hay nhiều nhiệm vụ cụ thể hoặc để thay thế hoàn toàn cho một số bộ phận hay chức năng của đơn vị (cung cấp các phần mềm ứng dụng và thiết bị công nghệ để đơn vị xử lý giao dịch tài chính và kinh doanh; tín thác đầu tư; dịch vụ quản lý, bảo quản, cầm cố tài sản; tư vấn quản lý dự án đầu tư, dịch vụ kê khai thuế, hải quan; ghi sổ kế toán...). Tuy nhiên,</p>	CMKTTN 1402 (đoạn 3)	



TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		không phải tất cả các dịch vụ đều liên quan đến cuộc kiểm toán, chỉ những dịch vụ và các kiểm soát đối với dịch vụ là một phần trong hệ thống thông tin của đơn vị liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và thông tin tài chính mới được coi là có liên quan đến cuộc kiểm toán và thuộc phạm vi của Chuẩn mực này. Việc thuê dịch vụ bên ngoài để lập báo cáo tài chính không làm giảm bớt trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán.		
19	CMKTNN 1402 – Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài trong kiểm toán	<p>▪ Giải thích thuật ngữ</p> <p>6. Trong hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>(i) Tổ chức cung cấp dịch vụ: Là bên thứ ba (hoặc một bộ phận của bên thứ ba) cung cấp dịch vụ cho đơn vị được kiểm toán mà các dịch vụ này là một phần của hệ thống thông tin của đơn vị được kiểm toán có liên quan đến việc</p>	CMKTNN 1402 (đoạn 6, dòng i, v)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		lập và trình bày báo cáo tài chính và thông tin tài chính		
		Tổ chức thầu phụ dịch vụ (sau đây gọi là “tổ chức thầu phụ”): Là một tổ chức cung cấp dịch vụ được một tổ chức cung cấp dịch vụ khác thuê để thực hiện một số dịch vụ cho đơn vị được kiểm toán mà những dịch vụ này là một phần của hệ thống thông tin của đơn vị được kiểm toán có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, thông tin tài chính.		
20	CMKTNN 1402 – Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài trong kiểm toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Xử lý rủi ro có sai sót trọng yếu đã được đánh giá Thử nghiệm cơ bản</li> </ul> <p>13. Để xử lý rủi ro có sai sót trọng yếu đã được đánh giá theo quy định tại CMKTNN 1330 - Biện pháp xử lý rủi ro kiểm toán trong kiểm toán tài chính, kiểm toán viên nhà nước phải xác định khả năng thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các cơ sở</p>	CMKTNN 1402 (đoạn 13, dòng i)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		<p>dẫn liệu báo cáo tài chính, thông tin tài chính có liên quan từ các tài liệu kế toán của đơn vị được kiểm toán. Nếu không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp, kiểm toán viên nhà nước phải thực hiện các thủ tục kiểm toán sau:</p> <p>(i) Tiếp cận, kiểm tra trực tiếp các tài liệu, báo cáo, sổ kế toán do tổ chức cung cấp dịch vụ lưu giữ khi tổ chức này thực hiện một số phần việc quan trọng và là một phần trong hệ thống thông tin của đơn vị liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán. Trường hợp đơn vị được kiểm toán thuê dịch vụ bên ngoài để thực hiện một phần hoặc toàn bộ chức năng tài chính của đơn vị và phần lớn bằng chứng kiểm toán tập trung ở tổ chức cung cấp dịch vụ, kiểm toán viên nhà nước thông qua đơn vị được kiểm toán để thực hiện các thử nghiệm cơ bản tại tổ chức cung cấp dịch vụ.</p>		

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
21	CMKTTN 1500 – Bảng chứng kiểm toán trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Lựa chọn các phần tử kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán</i></p> <p>50. Chọn tất cả các phần tử là việc chọn 100% các phần tử trong tổng thể để kiểm tra nhằm thu thập tài liệu, thông tin làm bằng chứng kiểm toán. Kiểm toán viên nhà nước có thể quyết định việc chọn tất cả các phần tử để kiểm tra. Việc kiểm tra tất cả các phần tử thường không áp dụng đối với thử nghiệm kiểm soát nhưng thường được áp dụng đối với kiểm tra chi tiết. Chọn tất cả các phần tử có thể thích hợp khi:</p> <p>(i) Tổng thể được cấu thành từ một số ít các phần tử có giá trị lớn;</p> <p>(ii) Có rủi ro đáng kể mà các phương pháp khác không cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp; hoặc (iii) <u>Tính chất lặp đi lặp lại của việc tính toán hoặc quy trình khác được thực hiện tự động bởi một hệ thống thông tin giúp việc kiểm tra tất cả các phần tử sẽ tiết kiệm chi phí hơn.</u></p>	CMKTTN 1550  (đoạn 50, dòng iii)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
22	CMKTTN 1550 – Các bên liên quan trong kiểm toán tài chính	<p>▪ <i>Thủ tục đánh giá rủi ro đối với các mối quan hệ và giao dịch của đơn vị được kiểm toán với các bên liên quan</i></p> <p>06. Kiểm toán viên nhà nước phải lưu ý đến khả năng báo cáo tài chính có thể có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót bắt nguồn từ các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan của đơn vị được kiểm toán. Khi tìm hiểu về các mối quan hệ và giao dịch của đơn vị được kiểm toán với các bên liên quan, kiểm toán viên nhà nước phải lưu ý các vấn đề sau:</p> <p>iii) Những tình huống hoặc điều kiện của đơn vị được kiểm toán có thể cho thấy sự tồn tại của các mối quan hệ hoặc giao dịch với các bên liên quan mà đơn vị chưa xác định hoặc chưa thông báo cho kiểm toán viên nhà nước (ví dụ, một cơ cấu tổ chức phức tạp, sử dụng các đơn vị có mục đích đặc biệt cho các giao dịch ngoài bảng cân đối</p>	CMKTTN 1550 (đoạn 06, dòng iii)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		kế toán, hoặc một hệ thống thông tin không phù hợp);		
23	CMKTNN 1600 – Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các kiểm soát được áp dụng cho cả tập đoàn có thể bao gồm sự kết hợp của các kiểm soát sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>(6) Hệ thống công nghệ thông tin trung tâm được kiểm soát bởi cùng một hệ thống kiểm soát công nghệ thông tin chung cho toàn bộ hoặc một phần tập đoàn;</li> <li>(7) Các hoạt động kiểm soát trong một hệ thống công nghệ thông tin chung cho toàn bộ hoặc một số đơn vị thành viên;</li> </ul> </li> </ul>	CMKTNN 1600, Phụ lục 01, đoạn 01, dòng 06, 07	
24	CMKTNN 1600 – Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy trình hợp nhất: <ul style="list-style-type: none"> <li>3 .Hiểu biết của nhóm kiểm toán viên nhà nước tập đoàn về quy trình hợp nhất có thể bao gồm các vấn đề sau: Các vấn đề liên quan đến khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> <li>(10) Cách thức tổ chức công nghệ thông tin cho việc hợp nhất, bao gồm</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	CMKTNN 1600 (đoạn 03, dòng 10)	

TT	TÊN CHUẨN MỤC	NỘI DUNG	THAM CHIẾU	DIỄN GIẢI
		các giai đoạn thủ công và tự động của quy trình và các kiểm soát thủ công và tự động tại các giai đoạn khác nhau của quy trình hợp nhất.		

#### 4. Danh mục các hệ thống thông tin quốc gia đã, đang và sẽ triển khai đến năm 2020

(Theo thống kê của Bộ thông tin và Truyền thông công bố cập nhật ngày 31/5/2017, thay thế cho danh mục Công bố lần 1 tại Văn bản số 3005/BTTTT-THH ngày 17/9/2015)

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
<b>I. CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐÃ TRIỂN KHAI XONG, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG (49)</b>							
1.	Bộ Công an	Hệ thống CSDL quản lý tai nạn giao thông đường bộ quốc gia	Đã triển khai xong		Bộ Công an và Công an các đơn vị địa phương		
2.	Bộ Công an	CSDL đăng ký xe	Đã triển khai xong		Bộ Công an và Công an các đơn vị địa phương		2005
3.	Bộ Tài chính	Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu giá tính thuế	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; tích hợp với các hệ thống thông tin đã có và xử lý, kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS'	Triển khai tại Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Xây dựng mới các chức năng để kết nối, xử lý thông tin với hệ thống VNACCS/VCIS; nâng cấp lớp giao diện, lớp dịch vụ, CSDL để triển khai xử lý thông tin tập trung	2012-2014



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
4.	Bộ Tài chính	Hệ thống Thống kê thuế, kim ngạch theo mặt hàng	Đã triển khai xong	Hệ thống Thống kê thuế, kim ngạch theo mặt hàng là công cụ hỗ trợ cơ quan hải quan trong việc khai thác các tin về thuế, nợ thuế theo nhiều tiêu chí khác nhau góp phần quản lý chặt chẽ, cung cấp số liệu phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước về thuế xuất khẩu, nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục.</li> <li>Toàn ngành Hải quan</li> </ul>	Xây dựng phân hệ thống kê thuế - kim ngạch theo mặt hàng	2013
5.	Bộ Tài chính	Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước.	Đã triển khai xong	Hệ thống cấp mã số đơn vị quản lý ngân sách nhà nước thực hiện cấp và quản lý mã số đơn vị thống nhất trên toàn quốc	<p>Triển khai cho các đơn vị thuộc Bộ Tài chính (Cục Tin học Thống kê, Kho bạc nhà nước và 63 Kho bạc nhà nước các tỉnh/thành</p>		

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
					phố và 63 Sở Tài chính, các Phòng Tài chính kế hoạch)		
6.	Bộ Tài chính	Chương trình quản lý ngân sách Nhà nước	Đã triển khai xong	Hỗ trợ cơ quan tài chính dự toán, điều hành, quyết toán ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính và Cơ quan tài chính địa phương	Xây dựng ứng dụng quản lý ngân sách	
7.	Bộ Tài chính	Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước	Đã triển khai xong	Phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước đáp ứng các nội dung thay đổi về cơ chế chính sách, các yêu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng phần mềm trong công tác quản lý tài sản nhà nước. Bên cạnh đó,	63 Sở Tài chính và các Bộ, ngành cơ quan Trung ương	Phần mềm nhằm đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ quy định theo Thông tư số 09/2012/TT BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính; các yêu cầu phát sinh phục vụ cho công tác quản	2013

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				việc áp dụng chứng thư số vào phần mềm sẽ giảm bớt các thủ tục hành chính, giúp cho việc trao đổi dữ liệu, báo cáo giữa các cấp được nhanh chóng và tiết kiệm chi phí trong việc in báo cáo		lý sử dụng tài sản nhà nước, đồng thời cải tiến tốc độ khi dữ liệu tài sản phát sinh nhiều; Tổ chức đào tạo và hướng dẫn sử dụng tập trung phần mềm cho cán bộ làm công tác quản lý công sản của Bộ, ngành trung ương và 63 Sở Tài chính	
8.	Bộ Tài chính	Hệ thống thông tin quản lý rủi ro ngành Hải Quan	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý hải quan	Mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục. Triển khai tại Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Nâng cấp hệ thống CNTT đã có để áp dụng quản lý rủi ro trong công tác quản lý hải quan và theo mô hình tập trung	2015

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
9.	Bộ Tài chính	Ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS)	Đã triển khai xong	Việc thực hiện đầu tư dự án nhằm vào các mục tiêu chung sau đây: Triển khai hệ thống ứng dụng quản lý thuế theo mô hình xử lý tập trung trên phạm vi toàn quốc. Tập trung hóa dữ liệu quản lý thuế các loại thuế của toàn ngành ở mức cao, tổ chức lại dữ liệu và tích hợp các ứng dụng nhằm hạn chế tối đa sự trùng lặp thông tin, nâng cao hiệu năng hoạt động của hệ thống với dự kiến đến năm 2015, toàn bộ dữ liệu về kê khai, nộp thuế, kế toán thuế, nợ thuế của 100% người nộp thuế được xử lý tập trung và lưu giữ tại Tổng cục Thuế. Sử dụng	Triển khai tại Tổng cục Thuế, Cục Thuế và các Chi cục Thuế khai tại Tổng cục Hải quan và 05 Cục Hải quan tỉnh, thành phố có sân bay quốc tế	Đáp ứng công tác quản lý thuế	2015

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				<p>một ứng dụng triển khai theo mô</p> <p>hình tập trung tại Tổng cục Thuế giúp cho việc theo dõi, vận hành, triển khai nâng cấp hệ thống dễ dàng và hiệu quả, tiết kiệm nguồn nhân lực CNTT của ngành Thuế trong việc hỗ trợ vận hành ứng dụng và</p>			

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
				các chi phí đầu tư về trang thiết bị Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.			

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
11.	Bộ Tài chính	Hệ thống quản lý vi phạm hải quan	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; Quản lý thông tin vi phạm pháp luật hải quan của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Triển khai mô hình tập trung tại Tổng cục Hải quan.</li> <li>- Phạm vi: Triển khai tại Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan tỉnh, thành phố có sân bay quốc tế</li> </ul>	Nâng cấp hệ thống quản lý vi phạm theo mô hình xử lý tập trung của Tổng cục và đáp ứng yêu cầu quản lý thông tin vi phạm pháp luật hải quan của doanh nghiệp	2014

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
12.	Bộ Tài chính	Hệ thống quản lý phương tiện vận tải xuất nhập cảnh	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; Quản lý thông tin phương tiện xuất nhập cảnh	-Quy mô: Mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục. -Phạm vi: Triển khai tại Tổng cục Hải quan và Chi cục Hải quan cửa khẩu quốc tế Lao Bảo Quảng Trị	Xây dựng hệ thống CNTT phục vụ quản lý thông tin phương tiện xuất nhập cảnh theo, hình xử lý tập trung cấp Tổng cục	2012
13.	Bộ Tài chính	Hệ thống quản lý rủi ro sau thông quan	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; Quản lý thông tin nghiệp vụ phục vụ kiểm tra sau thông quan	Mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục	Xây dựng HTTT phục vụ nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan	2012



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
14.	Bộ Tài chính	Hệ thống thông tin quản lý CSDL danh mục biểu thuế và phân loại mức thuế	Đã triển khai xong	HTTT dữ liệu phục vụ được các yêu cầu nghiệp vụ về kiểm tra tính trung thực, chính xác về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hướng dẫn tại Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010; Cung cấp thông tin về kết quả phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan xác định, do các cơ quan, tổ chức khác cung cấp và các thông tin được cơ quan chức năng hướng dẫn bằng văn bản. - Phục vụ mục tiêu quản lý việc phân loại, áp dụng thuế suất hàng hóa xuất nhập khẩu theo nguyên tắc quản lý rủi ro;	Triển khai tại Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố	Xây dựng hệ thống quản lý CSDL danh mục biểu thuế và phân loại mức thuế	2013

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				đảm bảo kết nối, xử lý thông tin với hệ thống VNACCS/VCIS, HTTT quản lý dữ liệu giá tính thuế			
15.	Bộ Tài chính	Hệ thống Emanifest	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục, để tiếp nhận và xử lý trước thông tin manifest đường biển	Toàn quốc	Xây dựng các chức năng để tiếp nhận và xử lý trước thông tin manifest	2013

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
16.	Bộ Tài chính	Hệ thống VNACCS/VCIS	Đã triển khai xong	Đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan trong phạm vi thông quan hàng hóa	Triển khai tại Tổng cục Hải quan và các Cục hải quan tỉnh, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống VNACCS/VCIS;</li> <li>- Trang cấp thiết bị và các hệ thống đảm bảo cho Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử Hải quan để cài đặt và vận hành hệ thống;</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật cho Hải quan Việt Nam để tiếp nhận thành công hệ thống VNACCS/VCIS</li> </ul>	2014
17.	Bộ Tài chính	Hệ thống thông quan điện tử theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; tích hợp với các hệ thống thông tin đã có và xử lý, kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS	Triển khai xử lý tập trung cấp Tổng cục đảm bảo kết nối xử lý thông tin với hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mới các chức năng để kết nối xử lý thông tin với hệ thống VNACCS/VCIS;</li> <li>- Cổng thanh toán điện tử;</li> <li>- Nâng cấp lớp giao diện, lớp dịch vụ, CSDL để triển</li> </ul>	2014

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
					VNACCS/V CIS - Triển khai tại Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố -	khai xử lý thông tin tập trung.	
18.	Bộ Tài chính	Cổng thông tin một cửa quốc gia	Đã triển khai xong giai đoạn 1	Tiếp nhận và phản hồi thông tin cho các doanh nghiệp tham gia khai báo các thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực xuất nhập khẩu thông qua phương thức điện tử; trao đổi thông tin với hệ thống một cửa ASEAN theo khuôn dạng thống nhất cũng như trao đổi thông tin với các hệ thống	Toàn quốc	Xây dựng Cổng thông tin một cửa quốc gia	2014-2016

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				khác của các cơ quan, đơn vị xử lý thủ tục hành chính; Cung cấp giao diện cho phép cán bộ các cơ quan, đơn vị xử lý thủ tục hành chính vào hệ thống để xem thông tin hồ sơ, nhập thông tin kết quả xử lý hồ sơ lên hệ thống đối với trường hợp các cơ quan, đơn vị này chưa có hệ thống xử lý.			
19.	Bộ Tài chính	Hệ thống cổng thông tin điện tử Kho bạc Nhà nước và tích hợp dịch vụ công trực tuyến	Đã triển khai xong thí điểm	Thiết lập và tích hợp dịch vụ công thành dịch vụ công trực tuyến	Cơ quan Bộ TC, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị liên quan		2014-2016

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				mức 3 trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính và Cổng Thông tin điện tử Kho bạc Nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của Chính phủ			
20.	Bộ Tài chính	Hệ thống kế toán thuế theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục	Đã triển khai xong	Triển khai hệ thống theo mô hình xử lý tập trung cấp Tổng cục; tích hợp với các hệ thống thông tin đã có và xử lý, kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS '	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai xử lý tập trung cấp Tổng cục đảm bảo kết nối thông tin với hệ thống VNACCS/VCIS</li> <li>- Triển khai tại TCHQ và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố</li> </ul>	Xây dựng hệ thống kế toán thuế tập trung của ngành đáp ứng theo quy định tại Luật quản lý thuế, kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VNACCS/VCIS; Cổng thanh toán điện tử	2016

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
21.	Bộ Công thương	Hệ thống bản đồ số hóa chợ trên phạm vi cả nước	Đã triển khai xong	Cụ thể hóa quy hoạch chợ toàn quốc làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương lập quy hoạch mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chợ cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay; đồng thời cung cấp thông tin cần thiết về chợ cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân muốn đầu tư chợ trên địa bàn cả nước nghiên cứu, lựa chọn địa điểm, quy mô, loại hình chợ trước khi quyết định đầu tư nhằm góp phần khắc phục tình trạng chợ hoạt động kém hiệu quả hoặc không hiệu quả đang diễn ra tại một số địa phương	Bộ Công thương, Sở Công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		2014

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
22.	Bộ Tư pháp	Hệ thống thông tin về văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương đến địa phương	Đã triển khai xong	Xây dựng HTTT về văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng môi trường nhập dữ liệu và khai thác dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ hiểu biết về pháp luật, thực hiện chủ trương: Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.	Bộ Tư pháp, tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, Thành phố, UBND cấp huyện và cấp xã trên toàn quốc	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý văn bản quy phạm pháp luật tập trung, thống nhất trên toàn quốc Thiết lập trung tâm dữ liệu chính tại Bộ Tư pháp đảm bảo việc vận hành hệ thống.	2017
23.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hệ thống thông tin Thị trường nông lâm thủy sản	Đã triển khai xong	Thu thập giá nông lâm thủy sản từ Trung ương đến địa phương	Toàn quốc		2010
24.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hệ thống quản lý dữ liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã triển khai xong	Xây dựng HTTT thống kê ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Toàn quốc	Xây dựng phần mềm hệ thống quản lý dữ liệu thống kê	2010



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
25.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hệ thống báo cáo thống kê trực tuyến ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã triển khai xong	Tăng cường, nâng cao năng lực trong công tác thống kê của Bộ	- Xây dựng phần mềm, đào tạo, tập huấn - Hệ thống được xây dựng và cài đặt tại máy chủ của Bộ và triển khai cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại 63 tỉnh, thành phố	- Thiết kế, xây dựng khung CSDL, chỉ tiêu thống kê, mẫu báo cáo. - Xây dựng phần mềm thống kê. - Nhập dữ liệu thống kê cấp Sở/Tỉnh/thành phố vào hệ thống. - Vận hành khai thác	
26.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	CSDL Quốc gia về đê điều	Đã triển khai xong	- Chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu số hệ thống đê điều (thông tin và bản đồ) hiện có, xây dựng thành một CSQL tập trung và duy	Triển khai tại Tổng cục Thủy lợi và Chi cục Quản lý đê điều/Thủy lợi	Thiết kế, xây dựng khung cơ sở dữ liệu địa lý -Xây dựng phần mềm quản lý đê điều;	2013

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				nhất về đề điều để phục vụ công tác quản lý. ' - Xây dựng hệ thống WebGIS phục vụ công tác quản lý đề điều trên nền bản đồ số.	19 tỉnh, thành phố có đề bao gồm: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Tháp	Nhập dữ liệu đề điều 19 tỉnh, thành phố vào CSDL; Vận hành khai thác	

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
27.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài	Đã triển khai xong	Xây dựng Hệ thống quản lý các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và dữ liệu ban đầu; Xây dựng Hệ thống quản lý các dự án đầu tư của Việt Nam ra nước. ngoài và dữ liệu ban đầu; Xây dựng Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài và thông tin, dữ liệu ban đầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Hệ thống quản lý các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và dữ liệu ban đầu;</li> <li>- Xây dựng Hệ thống quản lý các dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và dữ liệu ban đầu;</li> <li>- Xây dựng Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài và thông tin, dữ liệu ban đầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống quản lý thông tin các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và dữ liệu ban đầu;</li> <li>- Hệ thống quản lý thông tin các dự án đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và dữ liệu ban đầu;</li> <li>- Xây dựng Hệ thống quản lý việc xúc tiến đầu tư và dữ liệu ban đầu.</li> <li>- Trang thông tin điện tử đầu tư nước ngoài và thông tin, dữ liệu ban đầu;</li> </ul>	2012

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
28.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Đã triển khai xong	Xây dựng Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp nhằm tin học hóa công tác đăng ký kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Qua đó, tăng hiệu suất công tác và thống nhất quy trình nghiệp vụ trên phạm vi toàn quốc; Xây dựng cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp trung ương và địa phương, giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; góp phần minh bạch hóa môi trường kinh doanh tại Việt Nam thông qua việc cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng xã hội các thông tin có giá trị pháp lý về doanh nghiệp	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đăng ký doanh nghiệp nội bộ ngành đăng ký kinh doanh được kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống đăng ký của Tổng cục Thuế;</li> <li>- Hệ thống đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử;</li> <li>- Hệ thống Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các ứng dụng dịch vụ công;</li> <li>- Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;</li> </ul>	2013

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
30.	Bộ Nội vụ	Hệ thống thông tin cơ sở thờ tự tôn giáo	Đã triển khai xong	<p>Ứng dụng CNTT để xây dựng hệ thống CSDL chuyên ngành về chức sắc tôn giáo và cơ sở thờ tự tôn giáo đang được phép hoạt động trong cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tra cứu, khai thác thông tin, báo cáo thống kê phục vụ công tác quản lý nhà nước về tôn giáo và phục vụ sự điều hành của Chính phủ, đồng thời</p> <p>cung cấp thông tin cần thiết tới các bộ, ngành, cá nhân, tổ chức có nhu cầu và được phép tra cứu.</p>			2014

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
31.	Bộ Nội vụ	Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử ngành thi đua, khen thưởng	Đã triển khai xong	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử từ các Ban, Bộ, ngành, địa phương lên Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	Xây dựng và triển khai HTTT quản lý các hồ sơ, tờ trình, quyết định khen thưởng được gửi từ các Ban, Bộ, ngành, địa phương lên Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi;</li> <li>- Triển khai xây dựng mô hình thí điểm;</li> <li>- Tập huấn.</li> </ul>	

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
32.	Bộ Y tế	Hệ thống thông tin Quản lý dữ liệu về môi trường y tế	Đã triển khai xong				2013
33.	Bộ Y tế	Hệ thống quản lý số liệu người nhiễm HIV/AIDS và tử vong do AIDS; Hệ thống quản lý thông tin chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS	Đã triển khai xong				
34.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hệ thống thông tin về mã số mã vạch	Đã triển khai xong	Nâng cấp hệ thống quản lý thông tin và phần mềm phục vụ quản lý các doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số mã vạch của Việt Nam	Tất cả các doanh nghiệp trong nước có nhu cầu sử dụng MSMV	- Nâng cấp website của GS1 Việt Nam; - Xây dựng phần mềm để tra cứu dữ liệu doanh nghiệp sử dụng MSMV Việt Nam và kết nối với mạng GEPIR quốc tế; Xây dựng phần mềm phục vụ quản lý thành viên và hoạt động cấp mã số cho doanh nghiệp;	2009

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
35.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	Đã triển khai xong	Quản lý thông tin các đối tượng bảo trợ xã hội, giúp việc chi trả, trợ cấp được thuận lợi	Toàn quốc	Quản lý thông tin các đối tượng bảo trợ xã hội, giúp việc chi trả, trợ cấp được thuận lợi	
36.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL cung lao động	Đã triển khai xong	Quản lý dữ liệu về người lao động trên cả nước	Toàn quốc	Quản lý dữ liệu về người lao động trên cả nước	
37.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL cầu lao động	Đã triển khai xong	Quản lý dữ liệu về người sử dụng lao động trên cả nước	Toàn quốc	Quản lý dữ liệu về người sử dụng lao động trên cả nước	
38.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL về dạy nghề	Đã triển khai xong	Quản lý hệ thống các trường nghề thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Toàn quốc	Quản lý hệ thống các trường nghề thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	



<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
39.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL tài chính trợ cấp ưu đãi người có công	Đã triển khai xong	Quản lý các công việc chi trả trợ cấp ưu đãi người có công trong ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	Toàn quốc	Quản lý các công việc chi trả trợ cấp ưu đãi người có công trong ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	2016
40.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL hộ nghèo, cận nghèo	Đã triển khai xong	Quản lý hộ nghèo, cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Toàn quốc	Quản lý hộ nghèo, cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội	
41.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống thông tin phục vụ việc theo dõi, giám sát và đánh giá các dự án đầu tư sử dụng vốn của Nhà nước.	Đã triển khai xong				

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
42.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	CSDL quốc gia về tài nguyên và môi trường	Đã triển khai xong giai đoạn 1	Xây dựng hoàn thiện hệ thống CSDL quốc gia về tài nguyên và môi trường; - Thiết lập và phát triển hệ thống thu thập, lưu trữ, cập nhật, xử lý, tích hợp, đồng bộ dữ liệu và chia sẻ, phân phối thông tin trực tuyến qua hệ thống mạng thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường; - Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ về thông tin dữ liệu thực hiện chủ trương kinh tế hóa ngành Tài nguyên và Môi trường.	- Xây dựng phần hệ thống (khung) cho việc thiết lập CSDL quốc gia về tài nguyên và môi trường tại Trung ương và địa phương; - Thử nghiệm tại địa phương	- Đầu tư thiết bị, công nghệ; - Đầu tư xây dựng CSDL; - Chi phí quản lý, tư vấn dự án và chi phí khác	2010-2015
43.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hệ thống thông tin khí tượng thủy văn	Đã triển khai xong	Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực quan trắc và dự báo khí tượng thủy văn, trọng tâm là công tác dự báo bằng mô hình số trị và dự báo cực	Mạng lưới Khí tượng thủy văn trên toàn quốc	- Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn bề mặt; - Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng cao không;	2012

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				<p>ngắn, nhằm nâng cao chất lượng dự báo, phục vụ một cách tích cực hơn các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước, góp phần giảm nhẹ thiệt hại do thiên nhiên gây ra và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương, chia sẻ dữ liệu hồ chứa thủy điện để quản lý vận hành an toàn hiệu quả tới các Sở Công Thương có công trình thủy điện trên địa bàn</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng CSDL và HTTT khí tượng thủy văn;</li> <li>- Hiện đại hóa công nghệ dự báo khí tượng thủy văn;</li> <li>- Xây dựng Trung tâm điều hành tác nghiệp khí tượng thủy văn</li> </ul>	

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
45.	Bộ Công Thương	CSDL quốc gia kinh tế Công nghiệp và Thương mại	Đã triển khai xong giai đoạn 1	- Phổ biến thông tin kinh tế công nghiệp và thương mại của Việt Nam cho cộng đồng dân cư trong và ngoài nước nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.	- Giai đoạn 1 phục vụ lãnh đạo Bộ Công thương và các đơn vị chức năng thuộc Bộ; - Giai đoạn 2 triển khai tại các Bộ, ban, ngành khác và các địa phương.		2010-2012

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
46.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Quản lý phát hành và kho quỹ tập trung	Đã triển khai xong	Ứng dụng phần mềm vào nghiệp vụ Quản lý Dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng trung ương và các đơn vị Ngân hàng Nhà nước	Phần mềm triển khai tại Ngân hàng trung ương, Sở giao dịch và 63 Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố	Xây dựng và triển khai phần mềm cho Ngân hàng trung ương, Sở giao dịch và các Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố để quản lý dự trữ bắt buộc của các Tổ chức tín dụng theo quy chế dự trữ bắt buộc	
47.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Báo cáo tài chính	Đã triển khai xong	Thu thập, xử lý, tổng hợp cân đối tài khoản kế toán của các Tổ chức tín dụng, các tổ chức Tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các đơn vị sự nghiệp, Quỹ tín dụng nhân dân; thu thập, tổng hợp số liệu tài chính của các Tổ chức tín dụng.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các Vụ/Cục Ngân hàng Nhà nước.	Xây dựng, triển khai phần mềm Báo cáo tài chính	

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
48.	Văn phòng Chính phủ	Hệ thống thông tin theo dõi tình hình thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Đã triển khai xong				2014
49.	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Phần mềm giao dịch Bảo hiểm xã hội điện tử	Đã triển khai xong	Cung cấp dịch vụ công mức độ 3		- Phần mềm BHXH- VAN cho BHXH Việt Nam và 63 Bảo hiểm xã hội các tỉnh thành phố, bao gồm tất cả cấp huyện có thể khai thác và sử dụng phần mềm.	2015

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
<b>II CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐANG TRIỂN KHAI (38)</b>							
50.	Bộ Tài chính	Hệ thống Quản lý Vật tư hàng hóa, kho tàng dự trữ nhà nước	Đang triển khai	Đáp ứng yêu cầu quản lý, yêu cầu nghiệp vụ trong công tác nhập, xuất hàng hóa dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý	Triển khai từ Tổng cục, Cục Dự trữ Nhà nước, Chi cục Dự trữ Nhà nước		Từ 2016
51.	Bộ Quốc phòng	Hệ thống thông tin về liệt sỹ, thương bệnh binh	Đang triển khai				
52.	Bộ Công an	HTTT Hộ chiếu điện tử	Đang triển khai	Cấp và quản lý hộ chiếu điện tử	Bộ Công an và các đơn vị địa phương		Từ 2012
54.	Bộ Tư pháp	Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp	Đang triển khai	Ứng dụng đồng bộ CNTT trong công tác quản lý lý lịch tư pháp trong các cơ quan quản lý lý lịch tư pháp, hình thành CSDL Lý lịch tư pháp điện tử tập	Triển khai tại các Sở Tư pháp và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý lý lịch tư pháp, triển khai tại các Sở Tư pháp và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ và quy trình tiếp	2016-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				<p>trung, thống nhất, có sự quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có sự phân quyền, phân cấp hợp lý, chặt chẽ, bảo đảm an ninh thông tin giữa Sở Tư pháp và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, đáp ứng tốt nhất yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính về cấp phiếu Lý lịch tư pháp của công dân và các cơ quan tổ chức có nhu cầu</p>	các cơ quan có liên quan.	<p>nhận, cung cấp và quản lý thông tin Lý lịch tư pháp theo Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời sẵn sàng giải pháp kết nối dữ liệu với các hệ thống quản lý tại các cơ quan cung cấp thông tin lý lịch tư pháp như Tòa án, công an, cơ quan thi hành án đảm bảo đủ điều kiện kết nối</p>	
55.	Bộ Tư pháp	Hệ thống thông tin quốc tịch	Đang triển khai	Xây dựng HTTT về quốc tịch phục vụ việc tiếp nhận thông tin hồ sơ về Quốc tịch của công dân tại Sở Tư pháp, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, đồng thời xử lý, lưu trữ thông tin và từng bước tạo lập CSDL điện tử về quốc tịch trên toàn quốc. HTTT	Toàn quốc (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung		2011-2020



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				về quốc tịch được xây dựng nhằm trang bị một cách đồng bộ cả về phần mềm, CSDL đảm bảo triển khai cho Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	ương; các Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài).		

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
56.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ( <a href="http://muasamcong.mpi.gov.vn">http://muasamcong.mpi.gov.vn</a> )	Đang triển khai	Xây dựng hệ thống đấu thầu qua mạng phục vụ việc triển khai hoạt động mua sắm của Chính phủ qua mạng, đảm bảo an toàn, cạnh tranh, công khai minh bạch và hiệu quả kinh tế	Trên toàn quốc, cho mọi đối tượng sử dụng ngân sách nhà nước trong việc mua sắm chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giai đoạn thí điểm (2009-2011): Xây dựng Trung tâm dữ liệu đấu thầu qua mạng;</li> <li>- Giai đoạn Dự án tổng thể (2015-2028): Xây dựng một hệ thống mới</li> </ul>	2009-2028
57.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Đang triển khai				
58.	Bộ Tài chính	Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính	Đang triển khai				
59.	Bộ Y tế	Hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng dịch vụ	Đang triển khai				

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
60.	Bộ Y tế	Hệ thống báo cáo thống kê hoạt động phòng, chống HIV/AIDS	Đang triển khai				
61.	Bộ Y tế	Cổng Thông tin điện tử và hệ thống các dịch vụ hành chính công trực tuyến	Đang triển khai				
62.	Thanh tra Chính phủ	CSDL quốc gia về Khiếu nại tố cáo	Đang triển khai	Xây dựng thành công CSDL quốc gia về khiếu nại tố cáo phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và ngành Thanh tra. Làm cơ sở để ngành Thanh tra và Thanh tra Chính phủ tác nghiệp, khai thác thông tin phục vụ công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo toàn quốc.	Xây dựng hệ thống phân quyền khoảng 5000 tài khoản truy cập tác nghiệp hệ thống cho toàn ngành thanh tra.	Xây dựng CSDL và phần mềm	2013-2016
63.	Văn phòng Chính phủ	Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc	Đang triển khai				2013

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
64.	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ Bảo hiểm xã hội	Đang triển khai	Xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ các hoạt động nghiệp vụ chính của Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại các cấp trong đó tập trung vào hệ thống tác nghiệp tại cấp tỉnh/thành phố và quận/huyện, xây dựng hệ thống cung cấp thông tin tổng hợp phục vụ các cán bộ quản lý cấp Trung ương, thực hiện kết nối trao đổi số liệu giữa các tỉnh triển khai thông qua hệ thống cấp Trung ương.	Toàn ngành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ của ngành Bảo hiểm xã hội phục vụ cấp tỉnh - huyện.</li> <li>- Xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ của ngành Bảo hiểm xã hội phục vụ cấp Trung ương.</li> </ul>	2011-2018
65.	Bộ Công an	CSDL quốc gia về dân cư	Đang triển khai		Bộ và Công an đơn vị, địa phương		Từ 2016
66.	Bộ Xây dựng	Hệ thống thông tin thống kê ngành xây dựng	Đang triển khai	Xây dựng các CSDL để lưu trữ số liệu thống kê theo phân cấp quản lý trên cơ sở chuẩn hóa bộ chỉ tiêu thống	- Hệ thống được xây dựng cài đặt	- Nâng cấp, trang bị hệ thống hạ tầng phần cứng, phần mềm thương mại cho Trung	2016-2017

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				kê, dữ liệu được xác định sẽ tổng hợp và tích hợp từ: Các báo cáo hành chính, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của ngành; Xây dựng các công vụ khai thác dữ liệu, phân tích, dự báo thống kê phục vụ công tác quản lý và điều hành; Xây dựng Trang thông tin điện tử để công bố, chia sẻ thông tin thống kê, phổ biến kiến thức, đào tạo cho người sử dụng hệ thống về thống kê xây dựng; Triển khai thí điểm điều tra thống kê điện tử	tập trung tại Bộ Xây dựng, triển khai cho tất cả các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở Xây dựng trên cả nước. CSDL tập trung và phần mềm dạng web-based. - Việc khai thác sử dụng của các đơn vị và các Sở Xây dựng là thông qua môi trường mạng. Người sử dụng chỉ	tâm tích hợp dữ liệu của Bộ, sẵn sàng cho việc triển khai HTTT thống kê ngành xây dựng; Xây dựng các ứng dụng để tổng hợp, tích hợp thông tin từ các báo cáo hành chính; Xây dựng các ứng dụng tổng hợp, tích hợp thông tin thống kê từ chế độ báo cáo thống kê; Thực hiện thí điểm triển khai phần mềm và các phương pháp điều tra thống kê điện tử; Cung cấp và tiến hành công bố thông tin thống kê xây dựng trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ; Đào tạo CNTT cho cán bộ làm công tác thống kê	

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
					cần có máy tính có kết nối Internet là có thể truy cập, cập nhật và khai thác hệ thống		
67.	Bộ Xây dựng	Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường Bất động sản	Đang triển khai	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước, góp phần cải cách các hoạt động quản lý, điều hành của Bộ Xây dựng nhằm tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan thuộc Bộ Xây dựng; tăng cường sự hợp tác, trao đổi thông tin, minh bạch thông tin giữa Bộ Xây dựng và người dân, doanh nghiệp góp phần thúc đẩy công cuộc xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử	dụng của các đơn vị và các Sở Xây dựng là thông qua môi trường mạng Internet. Người sử dụng chỉ cần có máy tính có kết nối Internet là có thể truy cập, cập nhật và khai thác hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng CSDL về nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo phục vụ kịp thời yêu cầu công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia;</li> <li>- Xây dựng HTTT để quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương về nhà ở và thị trường bất động sản; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước đảm bảo tính khoa học, thuận</li> </ul>	2016-2017

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
						tiện cho việc khai thác và sử dụng; Tổ chức khai thác và sử dụng CSDL về nhà ở và thị trường bất động sản; Công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.	
68	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia	Đang triển khai	Xây dựng mới và chuẩn hóa, tích hợp các dữ liệu đất đai hiện có, kế thừa cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT đã và đang được đầu tư từ các dự án khác ở Trung ương, các Bộ, ngành và địa phương.	Toàn quốc	Giai đoạn 1: Thiết kế HTTT đất đai; Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý, cập nhật, khai thác CSDL Xây dựng; CSDL đất đai; Xây dựng và tích hợp CSDL đất đai cho 03 huyện của 03 tỉnh đại diện ba miền Bắc, Trung, Nam; Tích hợp CSDL đất đai là sản phẩm của 09 tỉnh thuộc dự án VLAP; Tích hợp CSDL đất đai của 41 huyện điểm thuộc dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính và	Giai đoạn 1: 2013-2015; Giai đoạn 2: 2016-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
						CSDL quản lý đất đai; Chuẩn hóa và tích hợp CSDL đất đai trên phạm vi một đơn vị cấp huyện (chi tiết đến cấp xã) tại Đồng Nai và TP HCM; Kết nối CSDL đất đai với các ngành có nhu cầu (Thuế, ngân hàng và GTVT); - Giai đoạn 2: Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, triển khai các nội dung còn lại.	
69.	Bộ Công an	Hệ thống thông tin Chứng minh nhân dân	Đang triển khai	Xây dựng hệ thống thu nhận và quản lý dữ liệu đăng ký chứng minh nhân dân trên mạng máy tính trong toàn quốc. Sản xuất và cấp thẻ chứng minh nhân dân mới trên hệ thống dây truyền hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ nhu cầu căn cước của công dân	Bộ và Công an các đơn vị, địa phương		Quý III/2015 triển khai xong giai đoạn I, đề xuất triển khai giai đoạn II



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				và phục vụ nhu cầu đảm bảo an ninh, an toàn xã hội			
70.	Bộ Công an	Dự án Hiện đại hóa các Trung tâm chỉ huy CSGT đường bộ	Đang triển khai		Bộ và Công an các đơn vị, địa phương		Từ năm 2013
71.	Bộ Tài chính	Hệ thống thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu	Đang triển khai	Nâng cấp hệ thống thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu theo mô hình xử lý tập trung, kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS và các hệ thống CNTT tập trung	- Triển khai xử lý thông tin với các hệ thống CNTT tập trung. - Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan	Nâng cấp ứng dụng và CSDL theo mô hình xử lý tập trung và kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS các hệ thống CNTT tập trung	2016-2017

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
72.	Bộ Tài chính	Hệ thống CSDL về dự trữ nhà nước	Đang triển khai	Kho dữ liệu tổng hợp về dự trữ quốc gia, có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho HTTT báo cáo dự trữ nhà nước phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Tổng cục Dự trữ Nhà nước	Triển khai từ Tổng cục, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực và Chi cục Dự trữ Nhà nước		2013-2017
73.	Bộ Công Thương	CSDL về mạng lưới phân phối hàng Việt trên địa bàn cả nước	Đang triển khai	Hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt được các điểm bán hàng Việt, hỗ trợ doanh nghiệp quản lý hệ thống phân phối, nắm được mạng lưới phân phối hàng Việt trên địa bàn cả nước; hỗ trợ người dân tìm nơi mua sắm hàng Việt.	Cả nước	Xây dựng phần mềm nhập dữ liệu và tích hợp vào Bản đồ Việt Nam sử dụng trực tuyến qua mạng Internet	2015-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
74.	Bộ Công Thương	CSDL xúc tiến thương mại quốc gia	Đang triển khai	Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác thông tin xúc tiến thương mại thông qua đổi mới về mô hình, phương thức, cơ chế tài chính thực hiện thông tin xúc tiến thương mại; Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng nguồn thông tin xúc tiến thương mại đáp ứng yêu cầu của sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ; Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác thông tin xúc tiến thương mại; Huy động tối đa các nguồn lực, trong đó ưu tiên các nguồn lực ngoài	- Cơ quan xúc tiến thương mại Trung ương, địa phương; - Cơ quan xúc tiến thương mại của Việt Nam ở nước ngoài; - Hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan	Xây dựng hệ thống CSDL xúc tiến thương mại quốc gia trên cơ sở xây mới và kết nối, chiết xuất thông tin từ các hệ thống CSDL liên quan hiện hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức kinh tế và thương nhân nước ngoài...trong việc tiếp cận, khai thác	2016-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				Nhà nước để phục vụ hoạt động thông tin xúc tiến thương mại.			
75.	Bộ Công Thương	CSDL về công nghiệp địa phương (tình hình công nghiệp, thương mại, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, làng nghề, cụm công nghiệp...)	Đang triển khai				2016-2020
76.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	CSDL nghề cá quốc gia Vnfishbase	Đang triển khai	Nâng cấp CSDL nghề cá quốc gia (Vnfishbase) hiện tại và xây dựng mới các CSDL thủy sản quốc gia khác phục vụ quản lý thông tin sản xuất khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển và hội nhập nghề	08 tỉnh	Nâng cấp CSDL quốc gia nghề cá trên các lĩnh vực: Khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản	2016-2017

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
77.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hệ thống thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra	Đang triển khai	Đảm bảo công tác tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại được thống nhất, kịp thời tại cấp Trung ương thông qua phần mềm và Internet	Toàn quốc theo mô hình tập trung tại Bộ	Xây dựng phần mềm thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT- BPTNT-BKHĐT với các tính năng cập nhật, lưu trữ dữ liệu thiệt hại do thiên tai gây ra bao gồm các báo cáo, biểu mẫu thống kê và các module cho phần mềm	Từ 2016
78.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	Đang triển khai	Nhằm cung cấp thông tin, báo cáo tin cậy về hiện trạng, diễn biến rừng cho các cấp có thẩm quyền	Triển khai tại Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm ở cấp Trung ương và các Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, hạt kiểm lâm cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phần mềm;</li> <li>- Đào tạo, chuyển giao tại các tỉnh có rừng</li> </ul>	

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
79.	Bộ Tư pháp	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch	Đang triển khai	Xây dựng CSDL hộ tịch toàn quốc với sự quản lý tập trung, thống nhất tại Bộ Tư pháp, có sự phân cấp, phân quyền hợp lý cho UBND các cấp trên cơ sở ứng dụng CNTT vào đăng ký, quản lý hộ tịch với cấu trúc chuẩn chung tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch, đáp ứng tốt nhất yêu cầu đăng ký, quản lý hộ tịch trực tuyến, có khả năng kết nối để cung cấp thông tin hộ tịch cho CSDL quốc gia về dân cư và CSDL chuyên ngành khác có liên quan. Đảm bảo hệ thống vận hành an toàn, bảo mật, thông suốt	Xây dựng, triển khai HTTT quản lý, phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch, thiết lập CSDL hộ tịch điện tử bao gồm các phần mềm, module, tiện ích liên quan, đáp ứng các nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch tại 4 cấp (Bộ Tư pháp, 63 Sở Tư pháp, khoảng 700 phòng Tư	- Đảm bảo hạ tầng, thiết bị CNTT phục vụ triển khai hệ thống phần mềm tại Trung tâm tích hợp dữ liệu điện tử tại Bộ Tư pháp đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý thông tin liên quan đến toàn bộ HTTT đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử toàn quốc. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cơ sở dữ liệu và các HTTT, phần mềm ứng dụng. - Xây dựng các giải pháp tổng thể cho phần mềm, bộ mã danh mục dùng chung, kết nối liên thông giữa các phần mềm tại Bộ Tư pháp và với CSDL quốc gia về dân cư; Thiết kế CSDL hộ tịch trên cơ sở HTTT đăng ký, quản lý hộ tịch đang được triển khai cho một số tỉnh trong giai đoạn thí	2016-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
					pháp và khoảng 11.000 UBND cấp xã) theo Luật Hộ tịch	<p>điểm đảm bảo đáp ứng yêu cầu lưu trữ đầy đủ thông tin về các nghiệp vụ hộ tịch, đồng thời có thể tích hợp, đồng bộ thông tin với các CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành khác;</p> <p>- Triển khai đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng các phần mềm, công cụ trong công tác đăng ký và quản lý dữ liệu hộ tịch điện tử cho từng cán bộ hộ tịch cấp phường/xã, quận/huyện và các cán bộ công tác trong lĩnh vực quản lý hộ tịch của các Sở Tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực trên cả nước;</p> <p>- Xây dựng các cổng kết nối, tích hợp chia sẻ thông tin với</p>	

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
						CSDL quốc gia về dân cư, các hệ thống một cửa điện tử, CSDL bảo hiểm y tế, hệ thống báo cáo thống kê ngành...	
80.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL về tai nạn lao động	Đang triển khai	Quản lý dữ liệu về các tai nạn lao động trên cả nước	Toàn quốc	Quản lý dữ liệu về các tai nạn lao động trên cả nước	
81.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL quốc gia về an sinh xã hội	Đang triển khai	Đề án CSDL quốc gia về an sinh xã hội	Toàn quốc	Đề án CSDL quốc gia về an sinh xã hội	
82.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Hệ thống thông tin điện tử, theo dõi, giám sát các tỉnh, thành phố cập nhật dữ liệu trẻ em theo định kỳ trên hệ thống CSDL trẻ em	Đang triển khai	Cập nhật thông tin trên Cổng Thông tin điện tử và cập nhập dữ liệu trẻ em các tỉnh, thành phố trên hệ thống CSDL trẻ em	Toàn quốc	Cập nhật thông tin trên Cổng Thông tin điện tử và cập nhập dữ liệu trẻ em từ các tỉnh, thành phố trên hệ thống CSDL trẻ em	Từ 2016



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
83.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL về thông tin liệt sĩ giai đoạn 2016-2020	Đang triển khai	Xây dựng CSDL về thông tin liệt sỹ thuộc đề án 150	Toàn quốc	Xây dựng CSDL về thông tin liệt sỹ thuộc đề án 150	2015-2017
84.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL ADN thuộc Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin	Đang triển khai	Xây dựng CSDL về gen của liệt sỹ và thân nhân nhằm mục tiêu xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin	Toàn quốc	Xây dựng CSDL về gen của liệt sỹ và thân nhân nhằm mục tiêu xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin	2016-2017
85.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Đang triển khai	Quản lý dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Toàn quốc	Quản lý dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
86.	Bộ Tài chính	CSDL quốc gia về giá	Đang triển khai	Xây dựng CSDL quốc gia về giá	Xây dựng các tính năng của phần mềm đáp ứng yêu cầu thu thập thông tin từ các đơn vị	- Xây dựng HTTT và CSDL về giá; - Xây dựng phần mềm dự báo CPI ngắn hạn; - Chuyển đổi dữ liệu .	11/2016- 10/2018

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
					trong ngành tài chính		
<b>III CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN DỰ ĐỊNH TRIỂN KHAI (16)</b>							
TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
88.	Bộ Tư pháp	Hệ thống CSDL hộ tịch toàn quốc	Dự định triển khai	Xây dựng CSDL hộ tịch toàn quốc nhằm: ứng dụng CNTT trong đăng ký và quản lý hộ tịch trên phạm vi toàn quốc, hình thành CSDL điện tử hộ tịch tập trung, thống nhất, có sự quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có sự phân quyền, phân cấp hợp lý, chặt chẽ, đảm bảo an ninh thông tin giữa các cơ quan đăng ký hộ tịch theo đơn vị hành	Triển khai tại tất cả các cơ quan đăng ký và quản lý hộ tịch trên toàn quốc	Xây dựng phần mềm và CSDL; Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị bảo mật và đường truyền theo hình thức thuê dịch vụ CNTT	Dự kiến 2015-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
				chính, theo cấp quản lý, đáp ứng tốt nhất yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính của công dân, từng bước thực hiện các cấp độ của dịch vụ công trong đăng ký hộ tịch, tiến tới đăng ký hộ tịch trực tuyến. - CSDL điện tử hộ tịch được xây dựng đảm bảo kết nối để trao đổi, cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành có liên quan.			
89.	Bộ Tư pháp	Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền	Dự định triển khai	Xây dựng HTTT tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền	hoặc trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị và giải quyết thủ tục hành chính theo lộ	Xây dựng phần mềm và CSDL; Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị bảo mật và đường truyền theo hình thức thuê dịch vụ CNTT	Dự kiến 2015-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
					trình ưu tiên thực hiện tại các cơ quan, đơn vị có chỉ số ứng dụng CNTT cao		
90.	Bộ Tài chính	Hệ thống thông tin báo cáo Dự trữ nhà nước	Dự định triển khai	Đáp ứng yêu cầu quản lý, yêu cầu nghiệp vụ trong công tác nhập, xuất hàng hóa DTQG do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý	Triển khai từ Tổng cục, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Chi cục Dự trữ Nhà nước	+ Mua sắm phần mềm thương mại; + Mua sắm máy chủ Web/ứng dụng và máy chủ cơ sở dữ liệu + Xây dựng phần mềm nội bộ; + Tạo lập CSDL và nhập dữ liệu; + Đào tạo và chuyển giao công nghệ	
91.	Bộ Giao thông vận tải	Hệ thống thông tin quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải	Dự định triển khai				

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
92.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án đầu tư	Dự định triển khai				2016-2020
93.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cơ sở dữ liệu quốc gia về thống kê tổng hợp về dân số	Dự định triển khai				2017-2020
94.	Bộ Y tế	Xây dựng dịch vụ tư vấn y tế, khám chữa bệnh từ xa	Dự định triển khai				2017-2020
95.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Mạng thông tin kinh tế hóa ngành Tài nguyên và Môi trường (Thương mại hóa số liệu ngành Tài nguyên và Môi trường)	Dự định triển khai	Đáp ứng nhu cầu về thông tin, số liệu, sản phẩm của ngành tài nguyên và môi trường của người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, bù đắp một phần kinh phí chi cho công tác điều tra cơ bản	Các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và thí điểm tại 07 Sở Tài nguyên và Môi trường		
96.	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm	Dự định triển khai				2016-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
97.	Bộ Công an	Hệ thống giám sát, xử lý vi phạm TTATGT trên quốc lộ trọng điểm	Dự định triển khai		Bộ và Công an các đơn vị, địa phương		
98.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	CSDL quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường	Dự định triển khai	Thiết lập hệ CSDL quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường là CSDL thành phần của CQDL quốc gia về tài nguyên và môi trường trên cơ sở công nghệ hiện đại phục vụ quản lý thống nhất và chia sẻ, khai thác thông tin, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh	Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn bộ các số liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có quan trắc về tài nguyên và môi trường	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng CNTT: - Xây dựng hệ CSDL quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường; - Đào tạo, tăng cường năng lực, truyền thống, nâng cao nhận thức của cộng đồng;	Giai đoạn 1: 2017-2020; Giai đoạn 2: 2020-2022

<b>TT</b>	<b>Tên Bộ, ngành</b>	<b>Tên Hệ thống thông tin</b>	<b>Hiện trạng triển khai</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô, phạm vi đầu tư</b>	<b>Tóm tắt nội dung đầu tư</b>	<b>Thời gian hoàn thành/triển khai</b>
99.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL về phòng, chống tệ nạn xã hội	Dự định triển khai	Hình thành hệ thống thu thập thông tin và CSDL ban đầu về phòng, chống tệ nạn xã hội toàn quốc Việt Nam	Toàn quốc	Hình thành hệ thống thu thập thông tin và CSDL ban đầu về phòng, chống tệ nạn xã hội toàn quốc	Từ 2017
100.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	CSDL về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Dự định triển khai	Xây dựng, quản lý CSDL người nước ngoài làm việc tại	Toàn quốc	Xây dựng, quản lý CSDL người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2016-2020

TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
101.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thông tin tín dụng		Thu thập, xử lý, tổng hợp, cung cấp dữ liệu về thông tin tín dụng theo Thông tư 02/2013/TTNHN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 03/2013/TT-NHN ngày 28/01/2013 quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các tổ chức tín dụng trên lãnh thổ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Vụ/Cục Ngân hàng Nhà nước	Xây dựng, triển khai phần mềm thu thập, xử lý, cung cấp thông tin tín dụng	
102.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng					



TT	Tên Bộ, ngành	Tên Hệ thống thông tin	Hiện trạng triển khai	Mục tiêu đầu tư	Quy mô, phạm vi đầu tư	Tóm tắt nội dung đầu tư	Thời gian hoàn thành/triển khai
103.	Bộ Ngoại giao	Hệ thống thông tin về quản lý cấp thị thực trực tuyến					

## 5. Danh mục hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng

Theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/05/2015 thì sáu hệ thống CSDL quốc gia quan trọng cần phải xây dựng bao gồm:

STT	Cơ sở dữ liệu quốc gia	Cơ quan chủ quản	Mô tả vắn tắt
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	Thông tin gốc về người dân phục vụ quản lý hành chính về cư trú, hộ tịch và sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến người dân.
2	Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tin về sử dụng đất đai
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Lưu trữ thông tin cơ bản về doanh nghiệp, phục vụ: Quản lý và chia sẻ, sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp.
4	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thống kê tổng hợp về dân số	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin tổng hợp về người dân phục vụ chia sẻ, dùng chung đa ngành, đa lĩnh vực
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính	Bộ Tài chính	Thông tin cơ bản về tài chính, ngân sách như: Thu/chi ngân sách nhà nước; nợ công; vốn nhà nước tại doanh nghiệp...
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Thông tin cơ bản về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

### C. Hệ thống hồ sơ biểu mẫu dùng cho cuộc kiểm toán CNTT

Hệ thống hồ sơ biểu mẫu dùng cho cuộc kiểm toán hệ thống CNTT bao gồm 4 biểu mẫu chính:

- Đề cương khảo sát cuộc kiểm toán CNTT: *Mẫu số 01/ĐCKS-CNTT*.
- Kế hoạch kiểm toán CNTT: *Mẫu số 01/KHKT-CNTT*. Bao gồm các phụ lục:
  - Danh mục các đơn vị và các hệ thống CNTT: *Phụ lục số 01/KHKT-HTCNTT*;
  - Danh mục các đơn vị và các gói thầu: *Phụ lục số 01a/KHKT-DACNTT*;
  - Kế hoạch chi tiết về thời gian, nhân sự : *Phụ lục số 02/KHKT-CNTT*;
  - Phân công nhiệm vụ cho các kiểm toán viên: *Phụ lục số 02a/KHKT-CNTT*;
  - Danh mục văn bản quản lý dự án, hệ thống CNTT: *Phụ lục số 03/KHKT-CNTT*;
  - Phân tích thông tin, xác định những vấn đề, nội dung, đơn vị cần tập trung, mục tiêu, phương pháp và thủ tục áp dụng để thu thập bằng chứng: *Phụ lục số 04/KHKT-CNTT*.
- Biên bản kiểm toán cuộc kiểm toán CNTT: *Mẫu số 01/BBKT-CNTT*. Bao gồm các phụ lục:
  - Thuyết minh kết quả kiểm toán...năm...: *Phụ lục số 01/BBKT-CNTT*;
  - Chi tiết các phát hiện sai sót khác: *Phụ lục số 02/BBKT-CNTT*;
  - Danh mục các văn bản và hồ sơ pháp lý: *Phụ lục số 03/BBKT-CNTT*.
- Báo cáo kiểm toán cuộc kiểm toán CNTT: *Mẫu 01/BCKT-CNTT*. Bao gồm các phụ lục:
  - Danh sách các đơn vị được kiểm toán: *Phụ lục số 01/BCKT-CNTT*;
  - Danh mục công văn gửi Kho bạc Nhà nước: *Phụ lục số 01a/BCKT-CNTT*;
  - Hướng dẫn ghi chép chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước: *Phụ lục số 01b/BCKT-CNTT*;
  - Tổng hợp kiến nghị tăng thu ngân sách nhà nước năm...: *Phụ lục số 02/BCKT-CNTT*;
  - Thuyết minh kiến nghị tăng thu ngân sách nhà nước năm...: *Phụ lục số 03/BCKT-CNTT*;
  - Tổng hợp kiến nghị khác: *Phụ lục số 04/BCKT-CNTT*;
  - Chi tiết kết quả thực hiện kiểm toán: *Phụ lục số 05/BCKT-CNTT*;
  - Danh sách các phát hiện kiểm toán: *Phụ lục số 06/BCKT-CNTT*.